

Bản án số: **22/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/5/2019

V/v “*Tranh chấp Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Hội thẩm nhân D: Ông Nguyễn Văn Anh

Ông Nguyễn Ngọc Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án

Tòa án nhân D huyện Hậu Lộc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Hậu L xét xử sơ thẩm vụ án D sự thụ lý số 27/2019/TLST -HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn L Tr, xã H L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H Ph, xã H L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh S, có mặt chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân : Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H L, huyện Hậu Lộc, ngày 09/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh Phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai thứ tài sản gì và cũng không có gì cho ai vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Về điều kiện kết hôn anh cũng thống nhất như chị Nguyễn Thị D đã trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau về nhiều khía cạnh nên thường xuyên cãi vã nhau. Ngày 09/12/2018 chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên Tòa:

***Về tố tụng:** Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành và tuân theo đúng quy định. Anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng D sự.

***Về nội dung:** Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai thứ tài sản gì và cũng không có gì cho ai vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Nguyễn Văn S là “*Tranh chấp Ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại xã H L, huyện Hậu Lộc nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân

D huyện Hậu L theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn S nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh S đều vắng mặt không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã về gia đình và địa phương nơi anh S cư trú để giao giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án. Anh S có viết bản tự khai và có đơn đề nghị được vắng mặt các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do anh S không đến Tòa án để làm việc nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng D sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo bản tự khai ngày 26/2/2019 quan điểm của anh Nguyễn Văn S không nhất trí ly hôn, nH không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị D đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cưới có Đăng ký kết hôn do UBND xã H L cấp ngày 09/5/2018, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên ngày 09/12/2018 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân và không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy thực tế mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D xin ly hôn anh S là hoàn toàn có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D xin Ly hôn với anh S là phù hợp với thực tế, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Anh S, chị D xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

-Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S xác định: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai thứ tài sản gì và cũng không có gì cho ai vay, nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng D sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Xử:** Vắng mặt anh Nguyễn Văn S.

*Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

***Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

***Về án phí:** Chị Nguyễn Thị D nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2018/0005404 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Hậu Lộc, chị D đã nộp đủ.

***Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án vắng mặt (hoặc) từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu L;
- Chi cục THADS huyện Hậu L;
- Các đương sự;
- UBND xã H L, H.Hậu L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Chuyên